



MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁ DẦU THẾ GIỚI VÀ CHỈ SỐ GIÁ HÀNG TIÊU DÙNG CỦA VIỆT NAM

ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG NGA – Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, ThS. NGUYỄN KIM NAM, ThS. TRƯƠNG NGỌC HẢO – Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Bằng cách phân tách chỉ số giá tiêu dùng theo từng bộ phận của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2015, bài viết thông qua mô hình VAR cũng như kỹ thuật phân tích hàm phản ứng đẩy và phân rã phương sai cho thấy, giá dầu thế giới thực sự tác động đến chỉ số giá tiêu dùng chung, trong đó mức độ tác động mạnh chủ yếu ở nhóm hàng giao thông và nhóm hàng nhà ở và vật liệu xây dựng.

Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu thực nghiệm đều cho rằng, ít nhất giá dầu tác động vào nền kinh tế thông qua cơ chế truyền dẫn vào lạm phát trong nước (Chen, 2009). Blanchard và Gali (2007) sử dụng dữ liệu từ các nền kinh tế công nghiệp phát triển (Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Ý và Nhật Bản) và tập trung vào các hiệu ứng khác nhau của các “ cú sốc ” giá dầu đến lạm phát cho thấy mức độ tác động giảm dần theo thời gian. Kết quả nghiên cứu của Du và Cộng sự (2010) nhận định, trước khi cải cách về cơ chế xăng dầu ở Trung Quốc thì tác động của giá dầu thế giới đến kinh tế vĩ mô là không đáng kể và sau cải cách thì mối quan hệ này đã trở nên mạnh mẽ hơn.

Còn theo Gao và Cộng sự (2014), sự phản ứng không đồng nhất trước “ cú sốc ” giá dầu sẽ khó giải thích nếu xem “ cú sốc ” giá dầu như là một “ cú sốc ” về phía cung. Một “ cú sốc ” tiêu cực về phía cung sẽ đẩy giá tăng cao. Tuy nhiên, khi giá dầu tăng lên người tiêu dùng sẽ phải cắt giảm chi tiêu của họ đối với các hàng hóa dịch vụ phi năng lượng nếu nhu cầu về các mặt hàng liên quan đến năng lượng là không co giãn.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Liên Hoa và Trần Đặng Dũng (2013) cho thấy, mức độ phản ứng của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trước “ cú sốc ” giá dầu thế giới mạnh hơn so với “ cú sốc ” trong giá gạo. Tuy nhiên, mức ảnh hưởng là không lớn và tác động của các “ cú sốc ” này không phải là tức thời và có độ trễ nhất định, cụ thể tác động của giá dầu lên CPI thể hiện rõ nét sau 6 tháng và tác động của nó là dai dẳng. Bằng kỹ thuật phân rã phương sai và phân tích

hàm phản ứng đẩy, nghiên cứu này kết luận “ cú sốc ” từ giá dầu thế giới tác động không đáng kể đến CPI của Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2011 và cho rằng lạm phát của Việt Nam chủ yếu quyết định bởi các yếu tố nội tại bên trong.

Trái ngược với kết quả nghiên cứu trên, nghiên cứu của Chương trình Phát triển của Liên Hợp quốc - UNDP (2008) cho rằng, lạm phát của Việt Nam chịu tác động chủ yếu từ các nhân tố bên ngoài. Nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF (2006) thông qua mô hình VAR cho thấy, “ cú sốc ” giá dầu ít có vai trò trong việc giải thích biến động của lạm phát giai đoạn từ năm 2001- 2006... Như vậy, tùy theo từng giai đoạn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu, kết quả tác động của “ cú sốc ” giá dầu thế giới đến lạm phát của Việt Nam chưa thật sự thống nhất với nhau.

Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Để xem xét tác động của giá dầu thế giới đến chỉ số CPI chung cũng như chỉ số CPI từng thành phần của Việt Nam, tác giả sử dụng mô hình VAR và kỹ thuật phân rã phương sai, phân tích hàm phản ứng đẩy. Dữ liệu nghiên cứu bao gồm giá dầu thế giới được thu thập từ Cơ quan Quản lý thông tin về năng lượng và các chỉ số về CPI được thu thập từ nguồn của Tổng cục Thống kê Việt Nam. Dữ liệu chỉ số giá chung và chỉ số giá phân tách theo từng thành phần bao gồm 11

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TRỄ

Lag	LogL	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	305.2478	NA	3.04e-07	-9.330702	-9.263798	-9.304304
1	336.1267	58.90744*	1.33e-07*	-10.15775*	-9.957032*	-10.07855*
2	336.8929	1.414447	1.47e-07	-10.05824	-9.723721	-9.926252

Nguồn: Tác giả tổng hợp

**BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN RÃ PHƯƠNG SAI CPI
VARIANCE DECOMPOSITION OF DLNCPI**

Period	S.E.	DLNCPI	DLNOIL
1	0.004820	100.0000	0.000000
2	0.006230	91.44598	8.554018
3	0.006867	88.40243	11.59757
4	0.007169	87.18777	12.81223
5	0.007316	86.64606	13.35394
6	0.007389	86.38952	13.61048
7	0.007425	86.26434	13.73566
8	0.007443	86.20235	13.79765
9	0.007452	86.17142	13.82858
10	0.007457	86.15593	13.84407
11	0.007459	86.14816	13.85184
12	0.007460	86.14426	13.85574
13	0.007461	86.14230	13.85770
14	0.007461	86.14132	13.85868
15	0.007461	86.14083	13.85917

Nguồn: Tác giả tổng hợp

nhóm: (i) Hàng ăn và dịch vụ ăn uống; (ii) Đồ uống và thuốc lá; (iii) May mặc, mũ nón, giày dép; (iv) Nhà ở và vật liệu xây dựng; (v) Thiết bị và đồ dùng gia đình; (vi) Thuốc và dịch vụ y tế; (vii) Giao thông; (viii) Bưu chính viễn thông; (ix) Giáo dục; (x) Văn hoá, giải trí và du lịch; (xi) Hàng hoá và dịch vụ khác.

Giai đoạn nghiên cứu được lựa chọn triển khai từ năm 2010 – 2015.

Kết quả nghiên cứu

**BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN RÃ PHƯƠNG SAI IV
VARIANCE DECOMPOSITION OF DLNIV:**

Period	S.E.	DLNIV	DLNOIL
1	0.007603	100.0000	0.000000
2	0.010263	85.75659	14.24341
3	0.011175	81.65184	18.34816
4	0.011463	80.43786	19.56214
5	0.011552	80.07091	19.92909
6	0.011579	79.95924	20.04076
7	0.011587	79.92520	20.07480
8	0.011590	79.91482	20.08518
9	0.011590	79.91165	20.08835
10	0.011591	79.91069	20.08931
11	0.011591	79.91039	20.08961
12	0.011591	79.91030	20.08970
13	0.011591	79.91027	20.08973
14	0.011591	79.91027	20.08973
15	0.011591	79.91026	20.08974

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Các biến sau khi thu thập xong đều được chuyển sang dạng logarit. Trước hết, nghiên cứu tiến hành các thủ tục kiểm định về tính dừng của chuỗi dữ liệu thời gian và lựa chọn độ trễ tối ưu thông qua phần mềm Eview.

Kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu

Các chuỗi dữ liệu gồm giá dầu thế giới, CPI chung và CPI theo từng bộ phận được đưa vào kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu bằng cách sử dụng kiểm định Augmented Dickey - Fuller (ADF), để tăng thêm tính khẳng định nghiên cứu thực hiện thêm kiểm định Phillips -Perron. Kết quả cho thấy, các chuỗi gốc đều không dừng nhưng khi lấy sai phân bậc một thì các chuỗi đều đảm bảo tính dừng ở mức ý nghĩa 5%. Như vậy, mô hình được ước lượng với các biến dạng logarit ở sai phân bậc 1 bao gồm: giá dầu (OIL), CPI chung và CPI từng nhóm.

Kiểm định độ trễ tối ưu

Nghiên cứu sử dụng mô hình VAR nên lựa chọn độ trễ tối ưu theo các tiêu chuẩn kiểm định như Akaike Information Criterion (AIC), Schwarz Information Criterion (SC), Hannan-Quinn information (HQ) và LR. Kết quả cho thấy, độ trễ tối ưu theo cả 4 kiểm định đều lựa chọn là 1 giữa biến CPI và OIL dạng sai phân. Do đó, nghiên cứu lựa chọn độ trễ là 1 để ước lượng cho mô hình.

Tương tự các biến chỉ số giá theo các nhóm hàng với biến giá dầu, kết quả cho thấy độ trễ tối ưu được lựa chọn là 1 ở các nhóm chỉ số giá i, ii, iii, iv, v, vi, x, xi và độ trễ tối ưu là 2 ở nhóm chỉ số vii và độ trễ tối ưu là 0 ở nhóm chỉ số viii, ix.

Kiểm định nhân quả Granger

Kết quả kiểm định nhân quả Granger cho thấy, tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa OIL và CPI (p-value =0,0031), giữa OIL và IV (p-value =0,0001) và giữa OIL và VII (p-value = 0,000) ở mức ý nghĩa 5%. Nói cách khác, giá dầu thế giới tác động đến chỉ số giá chung cũng như chỉ số giá của nhóm hàng nhà ở và vật liệu xây dựng, chỉ số giá nhóm hàng giao thông. Còn mối quan hệ nhân quả giữa OIL và các nhóm chỉ số giá còn lại là không có ý nghĩa thống kê.

Phân tích kết quả

Kết quả kiểm định nhân quả Granger cũng như kết quả ước lượng từ mô hình VAR cho thấy, giá dầu thế giới tác động đến CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng cũng như chỉ số giá của nhóm hàng hóa giao thông ở mức ý nghĩa 5% và 10%. Kết quả này cho thấy, việc tăng lên của CPI chung chủ yếu thông qua hai nhóm



**BẢNG 4: KẾT QUẢ PHÂN RÃ PHƯƠNG SAI VII
VARIANCE DECOMPOSITION OF DLNVII:**

Period	S.E.	DLNVII	DLNOIL
1	0.009988	100.0000	0.000000
2	0.015385	59.50495	40.49505
3	0.018804	44.76019	55.23981
4	0.019049	43.83961	56.16039
5	0.019092	43.97950	56.02050
6	0.019189	43.91350	56.08650
7	0.019244	43.77222	56.22778
8	0.019252	43.73940	56.26060
9	0.019253	43.74183	56.25817
10	0.019255	43.74011	56.25989
11	0.019256	43.73719	56.26281
12	0.019256	43.73636	56.26364
13	0.019256	43.73641	56.26359
14	0.019256	43.73638	56.26362
15	0.019256	43.73631	56.26369

Nguồn: Tác giả tổng hợp

chỉ số hàng hóa giao thông và nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng. Trong đó, mức độ tác động của giá dầu đến nhóm giao thông lớn hơn so với nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng.

Kết quả phân tích hàm phản ứng đẩy và phân rã phương sai cho thấy, giá dầu thế giới tác động đến CPI ở một độ trễ nhất định và thể hiện rõ nét nhất ở thời gian khoảng sau 2 tháng và tác động tắt dần sau khoảng 1 năm. Ở thời kỳ thứ 2, sự thay đổi của CPI được giải thích khoảng 8,55% sự thay đổi trong giá dầu thế giới và khoảng 91,45% sự thay đổi bởi chính nó và mức độ giải thích của giá dầu tăng dần lên đến hơn 13,5% ở tháng thứ 5 và duy trì ở mức ổn định.

Sự tác động của giá dầu thế giới vào chỉ số giá nhóm hàng nhà ở và vật liệu xây dựng thể hiện rõ nét nhất sau khoảng 2 tháng và tác động này cũng giảm dần sau khoảng 10 tháng. Ở thời kỳ thứ 2, sự biến động trong chỉ số giá của nhóm hàng này được giải thích khoảng 14,24% sự biến động của giá dầu và khoảng 85,76% sự biến động của chính nó. Sau 6 tháng thì sự biến động trong chỉ số giá của nhóm hàng hóa nhà ở và vật liệu xây dựng được giải thích khoảng hơn 20% là do sự biến động của giá dầu và duy trì ở mức ổn định.

Như đã phân tích ở phần trên, sự biến động giá dầu thế giới ảnh hưởng mạnh nhất đến chỉ số giá của nhóm giao thông. Kết quả phân tích cho thấy, sự tác động của giá dầu thế giới vào chỉ số giá nhóm giao thông thể hiện rõ nét nhất sau khoảng 3 tháng và sau đó giảm dần ở tháng thứ 4. Ở thời kỳ thứ 2, sự

biến động trong chỉ số giá của nhóm hàng giao thông được giải thích khoảng 40,49% sự biến động của giá dầu và khoảng 50,51% sự biến động của chính nó. Sau 4 tháng thì sự biến động trong chỉ số giá của nhóm hàng giao thông được giải thích khoảng hơn 56% và duy trì ở mức ổn định.

Kết quả phân tích trên cho thấy, giá dầu thế giới thực sự tác động đến lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu, điều này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Gao và cộng sự (2014). Tuy nhiên, các nghiên cứu trước phần lớn cho rằng tác động của giá dầu đến lạm phát trong nước là không đáng kể. Lý do là sự gia tăng của giá dầu khiến người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu cho hàng hóa không liên quan đến xăng dầu nếu như cầu về các mặt hàng liên quan đến xăng dầu không co giãn. Như vậy, nhóm hàng liên quan đến giao thông sử dụng nhiều đến xăng dầu, khi giá dầu thế giới tăng làm cho mức độ gia tăng trong nhóm chỉ số này tương đối lớn, trong khi các nhóm hàng khác tăng không đáng kể.

Kết luận

Nhóm chỉ số giá liên quan đến nhà ở và vật liệu xây dựng bị tác động bởi sự biến động của giá dầu thế giới thể hiện rõ nét nhất sau 2 tháng và sự biến động giá dầu giải thích được khoảng 20%. Nhóm hàng hóa thứ hai là giao thông được cho là liên quan nhiều đến mặt hàng xăng dầu đã cho thấy bị ảnh hưởng mạnh bởi sự biến động của giá dầu thế giới. Sau 3 tháng mức ảnh hưởng này thể hiện rõ nét và sự biến động của nhóm chỉ số này được giải thích khoảng 56% sự biến động của giá dầu thế giới. Nghiên cứu cũng cho thấy, mức độ truyền dẫn của giá dầu vào CPI chung cũng như CPI của các mặt hàng không liên quan đến xăng dầu là không cao nhưng nhóm chỉ số liên quan nhiều đến xăng dầu thì lại rất lớn.

Tài liệu tham khảo:

1. Blanchard, O. J., & Gali, J. (2007). *The Macroeconomic Effects of Oil Shocks: Why are the 2000s so different from the 1970s?* (No. w13368). National Bureau of Economic Research;
2. Camen, U. (2006). *Monetary policy in Vietnam: the case of a transition country*. Press & Communications CH 4002 Basel, Switzerland, 232;
3. Chen, S. S. (2009). *Oil price pass-through into inflation*. *Energy Economics*, 31(1), 126-133;
4. Du, L., Yanan, H., & Wei, C. (2010). *The relationship between oil price shocks and China's macro-economy: an empirical analysis*. *Energy Policy*, 38(8), 4142-4151;
5. IMF(2006), "Vietnam: Statistical Appendix", IMF Country Report No. 06/52, *International international or domestic oil prices matter?*, *Energy Economics*, 34(1), 730-734;
6. Nguyễn Thị Liên Hoa và Trần Đặng Dũng, 2013. *Nghiên cứu lạm phát tại Việt Nam theo phương pháp SVAR*. *Tạp chí phát triển và hội nhập*, 7(17), 32 – 38.